

Bản án số: 13/2019/HSST

Ngày: 18/02/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và bà Trần Thị Thanh Xuân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Lê Bá Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 262/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1982 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: 36 P, phường D, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không. quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tất N (sinh năm 1956) và bà Hồ Thị T (sinh năm 1962); có chồng là Phùng Thanh H (sinh năm 1981) và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân nhỏ sống với bố mẹ, học văn hóa đến lớp 12/12 thì nghỉ học ở nhà. Sau khi lập gia đình ở nhà nội trợ cho đến ngày gây án. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1969. Nơi cư trú: 4/22 đường N, phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1979. Nơi cư trú: 129 C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1969. Nơi cư trú: 2/2 B, phường D, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế - có mặt.

+ Anh Võ Tá Nhân I, sinh năm 1992. Nơi cư trú: 4A N, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/10/2016, Nguyễn Thị Ngọc A đến cơ sở cho thuê xe máy của bà Nguyễn Thị Ng tại 4/22 đường N, phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thuê 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ - đen biển số 75B1-XXX.XX kèm giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Ng với giá 80.000đồng/ ngày để phục vụ nhu cầu đi lại. Đến ngày 24/10/2016, Ánh đưa xe mô tô trên đến địa chỉ 129 C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cầm cố cho anh Nguyễn Minh Đ với thời hạn 10 ngày để lấy 9.000.000đồng sử dụng cá nhân hết. Sau khi cầm cố A không chuộc lại xe, đã quá thời hạn cầm cố 01 năm, nên ngày 24/10/2017 ông Đ bán lại xe này cho ông Nguyễn Thanh M với giá 12.500.000đồng.

Trong quá trình cầm cố xe, Ánh vẫn trả tiền thuê xe cho bà Ng được một thời gian thì không có khả năng trả nữa (cả hai đều không nhớ rõ Ánh trả bao nhiêu tiền thuê xe). Bà Ng liên hệ gặp A đòi xe, nhưng A vẫn không chuộc xe về trả cho bà Ng. Sau đó bà Ng phát hiện xe của bà do ông M sử dụng, nên bà Ng đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an yêu cầu xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) chiếc xe mô tô, hiệu Sirius màu đỏ - đen biển số 75B1-XXX.XX đã qua sử dụng;

- 01 (một) bản hợp đồng thuê xe, giữa người thuê xe là Nguyễn Thị Ngọc A, người cho thuê là Nguyễn Thị Ng lập ngày 08/10/2016;

- 01 (một) bản sao giấy chứng minh nhân dân có công chứng mang tên Nguyễn Thị Ngọc A;

- 01 (một) bản sao sổ hộ khẩu có công chứng chủ hộ là ông Phùng Thanh H;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ - đen biển số 75B1-XXX.XX mang tên Nguyễn Thị Ng;

- 01 (một) giấy bán xe của cửa hàng Đ, địa chỉ 112 T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- 01 (một) bản hợp đồng cầm cố của cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ (129 C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế), người cầm cố là Nguyễn Thị Ngọc A;

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 225/KL-HĐĐG ngày 18/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định: Trị giá chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ - đen biển số 75B1-XXX.XX, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 13.500.000đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ - đen biển số 75B1-XXX.XX và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 75B1-XXX.XX cho bà Nguyễn Thị Ng. Bà Ng đã nhận lại tài sản.

- Đối với các giấy tờ như hợp đồng cầm cố, hợp đồng thuê xe, giấy bán xe, bản sao giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, Cơ quan điều tra đã thu giữ, hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Số tiền 5.000.000đồng bị cáo đã nộp tại cơ quan điều tra để bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra, hiện được chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế để phục vụ công tác xét xử và thi hành án sau này.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Ng yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phải trả số tiền bị cáo đã thuê xe trong thời gian một năm, kể từ 01/3/2017 đến 01/3/2018 là 28.800.000đồng.

- Ông Nguyễn Thanh M yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phải bồi thường số tiền ông đã mua xe là 12.500.000đồng, nay xe đã bị cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho bị hại.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Ánh đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về phần dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo thỏa thuận trả cho bà Ng số tiền bà Ng yêu cầu, nhưng do điều kiện hiện tại bị cáo không có khả năng trả toàn bộ mà chỉ trả được 5.000.000đồng. Số tiền còn lại bị cáo đồng ý tiếp tục trả cho bà Ng. Nên bà Ng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với yêu cầu của ông M thì bị cáo thỏa thuận bồi thường cho ông M số tiền mà ông M yêu cầu. Trong quá trình điều tra bị cáo đã nộp tại cơ quan điều tra 5.000.000đồng, số tiền này hiện đã được chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Bị cáo và ông M thỏa thuận bị cáo bồi thường trước 5.000.000đồng (hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế đang giữ), số tiền còn lại là 7.500.000đồng, bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho ông M.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS-HS ngày 17/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại; giữa bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên là bị cáo phải tiếp tục trả cho bà Ng 23.800.000đồng. Bồi thường cho ông Nguyễn Thanh M số tiền 12.500.000đồng, bị cáo đã nộp tại cơ quan điều tra 5.000.000đồng để bồi thường cho ông M, số tiền còn lại 7.500.000đồng, bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ - đen biển số 75B1-XXX.XX và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 75B1-XXX.XX cho bà Nguyễn Thị Ng là có căn cứ. Đối với các giấy tờ như hợp đồng cầm cố, hợp đồng thuê xe, giấy bán xe, bản sao giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, Cơ quan điều tra đã thu giữ, hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Đối với số tiền 5.000.000đồng bị cáo đã nộp tại cơ quan điều tra để bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra, hiện được chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tại phiên tòa bị cáo thỏa thuận bồi thường cho ông Nguyễn Thanh M, được ông M đồng ý, nên đề nghị Hội đồng xét tuyên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Thanh M có trách nhiệm liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế để nhận số tiền 5.000.000đồng (tại biên bản giao nhận tiền giữa Cơ quan điều tra thành phố Huế và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế ngày 18/12/2018). Về án phí, đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế. Bị cáo nói lời nói sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo phù với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào ngày 08/10/2016, tại địa chỉ 4/22 đường N, phường N, thành phố H, Nguyễn Thị Ngọc A đã thuê của bà Nguyễn Thị Ng 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ - đen biển số 75B1-XXX.XX trị giá 13.500.000đồng để phục vụ cho việc đi lại. Đến ngày 24/10/2018, A nảy sinh ý

định chiếm đoạt đem đi cầm cố lấy 9.000.000đồng sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 như bản cáo trạng số 08/CT-VKS-HS ngày 17/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng việc bị hại hợp đồng giao tài sản cho bị cáo thuê xe để làm phương tiện đi lại, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay để áp dụng một hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo, đồng thời cũng là để răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ khắc phục một phần thiệt hại do mình gây ra, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe phòng ngừa.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là bà Nguyễn Thị Ng đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về tài sản, nhưng có yêu cầu bị cáo trả tiền thuê xe 28.800.000đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả số tiền trên cho bà Ng, tại phiên tòa bị cáo đã trả 5.000.000đồng, số tiền còn lại là 23.800.000đồng, bị cáo phải tiếp tục trả cho bà Ng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.500.000đồng tiền mà ông M bỏ ra mua chiếc xe xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ - đen biển số 75B1-XXX.XX, khi mua ông M không biết xe do bị cáo phạm tội mà có, nay chiếc xe đã bị thu hồi trả lại cho bị hại. Giữa bị cáo và ông M thỏa thuận bị cáo phải bồi thường cho ông M số tiền đã mua xe là 12.500.000đồng, thỏa thuận trên là có căn cứ đúng pháp luật cần được chấp nhận. Nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho ông M 12.500.000đồng. Bị cáo đã nộp tại cơ quan điều tra 5.000.000đồng để bồi thường cho ông M, nay số tiền trên đã được chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật ông M có trách nhiệm liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế để nhận 5.000.000đồng, số tiền còn lại là 7.500.000đồng buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông M.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự là 200.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm là $(31.300.000\text{đồng} \times 5\%) = 1.565.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A cho Ủy ban nhân dân phường D, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585 của Bộ luật dân sự năm 2015; Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phải tiếp tục trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 23.800.000đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phải bồi thường cho ông Nguyễn Thanh M (tức Nguyễn Thanh Minh) số tiền 12.500.000đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo đã nộp 5.000.000đồng để bồi thường cho ông M tại cơ quan điều tra, hiện đã chuyển số tiền trên sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế (tại biên bản giao nhận tiền giữa Cơ quan điều tra thành phố Huế và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế ngày 18/12/2018). Sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật ông M có trách nhiệm đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế để nhận 5.000.000đồng (Năm triệu đồng), số tiền còn lại là 7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông M.

-Về xử lý vật chứng:

+Đối với số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) tại biên bản giao nhận tiền giữa Cơ quan điều tra thành phố Huế và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế ngày 18/12/2018, là số tiền bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Thanh M (tức Nguyễn Thanh Minh), sau khi bản án này có hiệu lực ông M có trách nhiệm đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế để nhận.

+Về các tài tài liệu, chứng cứ là hợp đồng cầm cố, hợp đồng thuê xe, giấy bán xe, bản sao giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, Cơ quan điều tra đã thu giữ, hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án, tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

-Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.565.000đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án đủ khoản tiền nói trên thì hành tháng phải chịu thêm một khoản tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm

2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người nêu trên vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV27 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THA HS, THA DS;
- UBND phường Thủy Dương,
TX HươngThủy, tỉnh TT-Huế
- Bị cáo, NBH.
- Lưu;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phương Dung